TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và xác nhận cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Thành Biên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và xác nhận cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4485/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 775/TB-TA ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A; nơi cư trú: Khu E, trị trấn F, huyện G, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Jeong B; nơi cư trú: 1064 H, I, K, Korea (Hàn Quốc); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Văn C; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện N, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị Nguyễn Thị A và anh Jeong B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc, có ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 8 năm 2015. Sau khi kết hôn, anh Jeong B về Hàn Quốc sinh sống còn chị A vẫn ở Việt Nam. Thời gian đầu thỉnh thoảng anh Jeong B có về thăm chị A nhưng từ khoảng cuối năm 2016 đến nay thì anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh Jeong B, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Jeong B.

Về con chung: Chị và anh Jeong B có 01 con chung là cháu Jeong DA, sinh ngày 28/10/2015. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu và không yêu cầu anh Jeong B cấp dưỡng nuôi con. Năm 2017, trong thời gian không còn liên lạc với anh Tae Kim, chị A quen biết, có quan hệ tình cảm và mang thai với anh Phạm Văn C, sinh ngày 07/11/1987; cư trú tại: Thôn L, xã M, huyện N, Hải Phòng. Ngày 05/3/2019, chị A đã sinh 01 bé trai tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng theo giấy chứng sinh số X và chị dự định đặt tên cháu là Phạm Minh D. Chị xác định cháu Phạm Minh D không phải là con chung của chị và anh Jeong B mà là con chung giữa chị và anh Phạm Văn C. Do vậy, chị đề nghị Tòa án xác nhận anh Phạm Văn C là cha đẻ của cháu Phạm Minh D.

Về tài sản chung: Chị và anh Jeong B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Jeong B:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc cung cấp lời khai cho Tòa án đối với anh Jeong B theo địa chỉ của chị Nguyễn Thị A cung cấp. Ngày 05/7/2019, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 1571/CH-BTP ngày 28/6/2019 của Bộ Tư pháp về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Cục Quản lý Toà án Quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, cho đến thời điểm mở phiên tòa lần thứ nhất ngày 02/12/2019, Tòa án vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác. Ngay sau khi hoãn phiên tòa, ngày 02/12/2019, Tòa án đã có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài. Ngày 30/3/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 869/BTP-PLQT ngày 24/3/2020 của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được uỷ thác tư pháp với lý do không rõ người nhận.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn C:

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn C trình bày như sau:

Năm 2017, anh và chị Nguyễn Thị A quen biết nhau trong thời gian anh Jeong B sinh sống tại Hàn Quốc. Anh Jeong B không liên lạc và quan tâm gì đến chị A nên anh C cảm thấy thông cảm với hoàn cảnh của chị nên hai người đã nảy sinh tình cảm với nhau. Sau đó, chị A đã mang thai với anh C. Ngày 05/3/2019, chị A đã sinh 01 bé trai tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng theo giấy chứng sinh số X và chị dự định đặt tên cháu là Phạm Minh D. Anh C xác định cháu Phạm Minh D không phải là con chung của chị và anh Jeong B mà là con chung giữa anh và chị A. Do vậy, chị A đề nghị Tòa án xác nhận anh Phạm Văn C là cha đẻ của cháu Phạm Minh D, anh đồng ý.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị A và anh Jeong B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc , có ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 8 năm 2015. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Jeong B. Về con chung: Giao cháu Jeong DA, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về yêu cầu xác nhận cha cho con: Căn cứ vào các bản tự khai, Kết luận giám định gen, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A, xác nhận anh Phạm Văn C là bố đẻ của cháu Phạm Minh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và xác nhận cha cho con. Bị đơn anh Jeong B hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Jeong B vắng mặt lần thứ

hai mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc ủy thác tư pháp để tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Jeong B theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị A, anh Phạm Văn C, anh Jeong B theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm c khoản 6 Điều 477 là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Jeong B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 5 năm 2011 là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo lời khai của chị A: Sau khi kết hôn, anh Jeong B về Hàn Quốc sinh sống còn chị A vẫn ở Việt Nam . Thời gian đầu thỉnh thoảng anh Jeong B có về thăm chị A nhưng từ khoảng cuối năm 2016 đến nay thì anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Jeong B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[4] Về con chung: Chị và anh Jeong B có 01 con chung là cháu Jeong DA, sinh ngày 28/10/2015, hiện đang ở với chị A. Đề nghị của chị A về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Jeong DA cho chị A nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A khai vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về việc xác nhận cha cho con: Theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị A, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với việc giám định Gen của anh Phạm Văn C và cháu Phạm Minh D (tên dự đặt). Tại Kết luận giám định số 70/2019/GĐSH ngày 29/7/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận anh Phạm Văn C là bố đẻ của cháu dự định đặt tên là Phạm Minh D. Xét thấy cháu Phạm Minh D (tên dự đặt) được chị Nguyễn Thị A sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Jeong B. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn C đều xác nhận cháu Phạm Minh D là con đẻ của hai anh chị, mặt khác căn cứ vào các bản tự khai, Kết luận giám định gen, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A, xác nhận anh Phạm Văn C là bố đẻ của cháu Phạm Minh D.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Yêu cầu xác nhận cha cho con của chị A thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm b, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên chị không phải chịu án phí về việc xác nhận cha cho con.

[8] Về quyền kháng cáo chị Nguyễn Thị A và anh Jeong B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 4 Điều 477, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Jeong B.

2. Về con chung: Giao cháu Jeong DA, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Jeong B có quyền thăm nom con, chị Nguyễn Thị A không được cản trở anh Jeong B thực hiện quyền này. Anh Jeong B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về yêu cầu xác nhận cha cho con: Xác nhận anh Phạm Văn C, sinh ngày 07/11/1987 là cha đẻ của cháu Phạm Minh D (tên dự kiến làm giấy khai sinh) được chị Nguyễn Thị A sinh ngày 05/3/2019 theo giấy chứng sinh số X do Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cấp ngày 05/3/2019.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp:

Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001596 ngày 28 tháng 02 năm 2019. Chị Nguyễn Thị A phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* chi

phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng*(Hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu số 0001595 ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

Chị Nguyễn Thị A không phải nộp tiền án phí sơ thẩm về việc xác nhận cha cho con.

Chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ nộp tiền lệ phí ủy thác tống đạt bản án ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Toà án thực hiện việc tống đạt bản án ra nước ngoài sau khi nhận được biên lai thu tiền lệ phí uỷ thác do đương sự nộp.

6.Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Jeong B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp